

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 224 / SNV-XDCQ&CTTN
V/v thống kê chỉ tiêu phát triển giới
quốc gia năm 2017 và triển khai
Quyết định 622/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

Ninh Bình, ngày 08 tháng 3 năm 2018

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 734/BNV-TH ngày 27/02/2018 của Bộ Nội vụ về việc thống kê chỉ tiêu phát triển giới quốc gia năm 2017 và triển khai Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Sở Nội vụ đề nghị các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thống kê, báo cáo các số liệu của đơn vị theo các biểu đính kèm sau đây:

1. Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền (biểu mẫu 318B);
2. Tỷ lệ UBND các cấp có cán bộ có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ (biểu 407B);
3. Tỷ lệ các cơ quan nhà nước có từ 30% nữ trở lên có cán bộ, chủ chốt là nữ (biểu mẫu 408B);
4. Tỷ lệ nữ trong diện quy hoạch các chức danh cán bộ chủ chốt nhiệm kỳ 2016-2021 và 2021-2026 (biểu mẫu 1a, 1b);
5. Danh sách trích ngang các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ chủ chốt là nữ (biểu mẫu 2).

Biểu mẫu thống kê của các đơn vị gửi về Sở Nội vụ trước ngày 20/3/2018, để Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ kịp thời./.

(các biểu mẫu được đăng tải trên địa chỉ sonoivu.ninhbinh.gov.vn để các cơ quan đơn vị tải về thực hiện)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc, PGĐ phụ trách;
- Công thông tin điện tử Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Tiến Tuấn

Biểu số 318B

Theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg

của Thủ tướng Chính phủ

- Chu kỳ báo cáo: Hàng năm

Có đến ngày 31/12/2017

(Kèm theo Công văn số 224 /SNV-XDCQ&CTTN

ngày 08/3/2018 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: Người

Phân tổ	Tổng số lãnh đạo chính quyền	Cấp trung ương		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
		Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chia theo trình độ học vấn									
- Tiểu học									
- Trung học cơ sở									
- Trung học phổ thông									
Chia theo trình độ chuyên môn									
- Trung học chuyên nghiệp									
- Cao đẳng, Đại học									
- Trên đại học									
- Không xác định									
Chia theo dân tộc									
Kinh									
Dân tộc khác									
Chia theo nhóm tuổi									
Dưới 20 tuổi									
Từ 20 đến 29 tuổi									
Từ 30 đến 49 tuổi									
Từ 50 đến 55 tuổi									
Từ 56 đến 60 tuổi									
Trên 60 tuổi									

Người lập biểu
(Ký)Người kiểm tra biểu
(Ký)

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)**Ghi chú:** Chức vụ lãnh đạo chính quyền bao gồm các chức danh sau:

1. Tại Trung ương: Bộ trưởng, Thủ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương; Cấp Vụ trưởng, cấp Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc.

2. Tại địa phương:

a) Cấp tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Giám đốc Sở và tương đương, Phó Giám đốc Sở và tương đương.

b) Cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND.

c) Cấp xã: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND.

BỘ NỘI VỤ**Biểu số 407B**

Theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg

của Thủ tướng Chính phủ

- Chu kỳ báo cáo: Hàng năm

**ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP
CÓ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT LÀ NỮ****Năm: 2017***(Kèm theo Công văn số 224 /SNV-XDCQ&CTTN
ngày 08/3/2018 của Sở Nội vụ)**Đơn vị gửi**Đơn vị tính: Ủy ban*

Tỉnh, thành phố	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
	Có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	Số ủy ban nhân dân	Số ủy ban nhân dân có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	Số ủy ban nhân dân	Số ủy ban nhân dân có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	
1	2	3	4	5	6	

Người lập biểu
(Ký)**Người kiểm tra biểu**
(Ký)*Ngày.....tháng.....năm.....***Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, đóng dấu)**Ghi chú:**

- Lãnh đạo chủ chốt bao gồm các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.
- Tại cột (2): Đánh dấu (x) nếu cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

BỘ NỘI VỤ**Biểu số 408B**

Theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ
- Chu kỳ báo cáo: Hàng năm

**CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ TỪ 30%
CÁN BỘ NỮ TRỞ LÊN CÓ CÁN BỘ
CHỦ CHỐT LÀ NỮ**

Năm: 2017

(Kèm theo Công văn số 224/SNV-XDCQ&CTTN
ngày 08/3/2018 của Sở Nội vụ)

Đơn vị gửi

.....

Đơn vị tính: Cơ quan/tổ chức

Cơ quan, đơn vị	Số cơ quan nhà nước tại bộ ngành/địa phương	Số cơ quan nhà nước tại bộ ngành/địa phương có từ 30% nữ trở lên	Số cơ quan nhà nước tại bộ ngành/địa phương có từ 30% nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ
1	2	3	4

Người lập biểu
(Ký)

Người kiểm tra biểu
(Ký)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Tại cột (2), (3), (4) ghi số lượng các cơ quan tại bộ, ngành, địa phương; số lượng các cơ quan tại bộ, ngành, địa phương có 30% nữ trở lên; số lượng các cơ quan tại bộ, ngành, địa phương có 30% nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ.
- Cơ quan, đơn vị được coi là có cán bộ chủ chốt là nữ khi có lãnh đạo, quản lý là nữ tại một trong các chức vụ sau:
 - Tại Trung ương: Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương; Cấp Vụ trưởng, cấp Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc.
 - Tại địa phương:
 - + Cấp tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương;
 - + Cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND;
 - + Cấp xã: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- Tỷ lệ nữ tại các cơ quan, đơn vị được tính như sau: $[\text{Tổng số cán bộ, công chức nữ của cơ quan, đơn vị} / \text{Tổng số cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị}] \times 100$. Tỷ lệ 30% nữ được tính trong tổng số biên chế thực tế của cơ quan, đơn vị.

Cơ quan đơn vị

Biểu số 1a

TỶ LỆ NỮ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ CHỦ CHỐT
Nhiệm kỳ: 2016 - 2021

(Kèm theo Công văn số: 224 /SNV/XDCQ&CTTN ngày 08 /3/2018 của Sở Nội vụ)

Cấp tỉnh						Cấp huyện				Cấp xã	
Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh (%)						Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh (%)				Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh (%)	
Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Giám đốc Sở và TĐ	Phó Giám đốc Sở và TĐ	Trưởng phòng và TĐ	Phó trưởng phòng và TĐ	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Trưởng phòng và TĐ	Phó trưởng phòng và TĐ	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người lập biểu

Người kiểm tra

Ngày tháng 3 năm 2018
Thủ trưởng cơ quan đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh lãnh đạo được tính như sau: [Số cán bộ, công chức nữ được quy hoạch chức danh (t)/Tổng số cán bộ, công chức quy hoạch chức danh (t)]x100.

Cơ quan đơn vị

Biểu số 1b

TỶ LỆ NỮ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ CHỦ CHỐT
Nhiệm kỳ: 2021 - 2026

(Kèm theo Công văn số: 224 /SNV/XDCQ&CTTN ngày 08/3/2018 của Sở Nội vụ)

Cấp tỉnh						Cấp huyện				Cấp xã	
Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh (%)						Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh (%)				Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh (%)	
Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Giám đốc Sở và TĐ	Phó Giám đốc Sở và TĐ	Trưởng phòng và TĐ	Phó trưởng phòng và TĐ	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Trưởng phòng và TĐ	Phó trưởng phòng và TĐ	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người lập biểu

Người kiểm tra

Ngày tháng 3 năm 2018
Thủ trưởng cơ quan đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Tỷ lệ nữ quy hoạch các chức danh lãnh đạo được tính như sau: [Số cán bộ, công chức nữ được quy hoạch chức danh (t)/Tổng số cán bộ, công chức quy hoạch chức danh (t)]x100.

DANH SÁCH
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT LÀ NỮ VÀ CÁN BỘ CHỦ CHỐT LÀ NỮ
 Năm 2017

(Kèm theo Công văn số: 224 /SNV/XDCQ&CTTN ngày 08/3/2018 của Sở Nội vụ)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Chức vụ	Ngạch công chức	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLHCNN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập biểu

Ngày tháng 3 năm 2018
Thủ trưởng cơ quan đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND các cấp; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các cấp; Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.
- Tại cột (4) ghi rõ tên dân tộc của cán bộ, công chức theo quy định của Nhà nước như: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông ...
- Tại cột (8) ghi rõ trình độ chuyên môn cao nhất được đào tạo, bồi dưỡng tại thời điểm thống kê.